

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/5/2022.

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Thị B**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 3, ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Anh **Mai Phước N**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Huỳnh Sơn, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị B trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị Thị B và anh Mai Phước N tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2018. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2019 giữa chị B và anh N xảy ra mâu thuẫn do anh N thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, dùng lời lẽ xúc phạm và đánh chị B. Do mâu thuẫn nên giữa năm

2019 chị B và anh N đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân chị B và anh N không có liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy không còn tình cảm nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị B và anh N có 01 người con chung tên Danh Thanh Q, sinh ngày 26/5/2015. Sau khi ly hôn chị B đồng ý giao 01 người con chung nêu trên cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị B trình bày giữa chị và anh N không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị B trình bày chị và anh N không có nợ ai cũng không có cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Mai Phước N. Tuy nhiên anh Mai Phước N không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Mai Phước N trong hồ sơ vụ án.

* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm*:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Thị B được ly hôn với anh N. Về con chung đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao người con chung tên Danh Thanh Quý, sinh ngày 26/5/2015 cho anh Mai Phước N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Bộc chị Thị B chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị B yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Mai Phước N. Anh Mai Phước N cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Mai Phước N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Thị B và anh Mai Phước N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/9/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thị B và anh Mai Phước N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thị B; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị Thị B trình bày bắt đầu từ năm 2019 thì giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh N thường xuyên rệu rã, không lo lắng cho gia đình thường xuyên cự cãi và đánh đập chị B. Giữa năm 2019 do mâu thuẫn nên chị B và anh N sống ly thân nhau cho đến nay, hiện tại chị B và anh N không liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Thị B đoàn tụ để nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị Thị B vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh N. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt. Qua việc lấy lời khai của cha anh N thì anh N và chị B có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị Thị B yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị Thị B xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 người con chung tên là Danh Thanh Quý, sinh ngày 26/5/2015. Theo đơn khởi kiện chị B yêu cầu nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị Thị B đồng ý giao con chung là cháu Quý cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị Thị B HĐXX nhận thấy: Hiện anh N là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cháu Quý. Quá trình chung sống với anh N cháu Quý được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai cháu Quý trình bày nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn sống với cha (tức anh N). Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, giúp cháu Quý phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử giao cháu Quý cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: phía anh N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Thị B xác nhận chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ ai và không có cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Thị B được ly hôn với anh Mai Phước N.

2/. Về con chung: Giao cháu Danh Thanh Quý, sinh ngày 26/5/2015 cho anh Mai Phước N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Thị B có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001725 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Thị B không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An